



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 30/2025

(22/07/2025 – 28/07/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI dao động nhiều song tổng quan vẫn theo đà đi lên và tăng thêm 191 điểm (↑9,3%) lên 2.216 điểm. Duy nhất Capesize tăng nhẹ 713 điểm (↑23,3%) lên 3.774 điểm. Các phân khúc còn lại vẫn rung lắc nhiều theo xu hướng giảm: Panamax tiếp tục quay đầu giảm 111 điểm (↓5,8%) còn 1.741 điểm, Supramax cũng giảm nhẹ 40 điểm (↓3%) còn 1.281 điểm, trong khi đó Handysize không biến động nhiều hiện ghi nhận mức 680 điểm. Hoạt động mua bán tàu tuần qua tương đối thưa thớt, tập trung chủ yếu ở các phân khúc nhỏ như Supramax và Handysize. Ở phân khúc Supramax, các tàu bán tuần qua đều đóng tại Trung Quốc. Cụ thể tàu **Kaspar Schulte** (58.758 dwt, đóng 2012, DD/SS 06/2027) được chốt với giá khoảng 15,5 triệu đô la Mỹ. Giá này hơi cao do đóng tại xưởng uy tín Nantong Cosco, trang thiết bị máy chính hầu hết của Nhật và chủ tàu Đức cũng bảo quản tàu tốt. Tàu già hơn một tuổi **Star Sandpiper** (57.809 dwt, đóng 2011, đã lắp hệ thống lọc khí (scrubber), DD/SS 10/2026) được chủ tàu Star Bulk chốt với giá khoảng 13 triệu đô la Mỹ. Do hiện nay cước Supramax đang tốt, nên giá bán tàu **Star Sandpiper** cao hơn một chút so với hai tàu 57k dwt tương tự được Star Bulk bán trước đó là **Star Nighthawk** (đóng 2011, DD/SS 2/2026) và **Star Runner** (đóng 2011, DD/SS 9/2026) với giá khoảng 12,8 triệu đô la Mỹ/tàu. Một tàu khác là **Jin Ji** (56.913 dwt, đóng 2009, DD 11/2027, SS 9/2029) được chủ tàu Hong Kong chốt với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Mức này nhìn hơn một chút hơn nếu so với tàu **Jin Gang** (56.928 dwt, đóng 2009, DD 06/2027, SS 04/2029) được bán cách đây hai tuần với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ. Nhìn chung, các tàu Supramax bán tuần qua đều ghi nhận giá tốt và thị trường thuê tàu cũng tương đối lạc quan. Sang phân khúc Handysize, giá tàu cỡ 35-37k dwt có xu hướng tăng nhẹ nhưng chưa rõ ràng. Đặc biệt ghi nhận dòng tàu 32-33k dwt xung quanh 15 tuổi Nhật vẫn đang được săn đón rất nhiều. Cụ thể tàu **Stellar Enguri** (33.677 dwt, đóng 2012 Nhật, DD 09/2027, SS 09/2029) được chủ tàu Hà Lan chốt với giá khoảng 13,5 triệu đô la Mỹ. Một tàu khác già hơn là **BC Callisto** (32.280 dwt, đóng 2010 Nhật, hầm hàng hộp, DD 02/2026, SS 12/2027) cũng vừa được chủ tàu Hy Lạp bán thành công cho người Mua Trung Quốc với giá khoảng 12,05 triệu đô la Mỹ - chủ tàu bảo quản tàu rất tốt.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, cước thuê tàu chở dầu thô nhìn chung giảm trên diện rộng còn cước tàu chở dầu thành phẩm phần nào ổn định hơn, điều này phản ánh trực quan qua các chỉ số: chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) tăng 23 điểm (↑3,6%) lên 659 điểm còn chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) vẫn đi xuống và giảm 22 điểm (↓2,4%) còn 881 điểm. Hoạt động mua bán tàu giai đoạn này cũng tương đối nhỏ giọt do người Mua mang tâm lý thận trọng. Ở phân khúc MR, dường như cước tàu giảm trong giai đoạn gần đây đã có thêm nhiều tác động hơn đến giá tàu – vốn đã giảm nhiều và tương đối ổn định. Song cũng có một số trường hợp người mua sẵn đón nhiều các tàu MR 15 tuổi dẫn đến thanh khoản ghi nhận rất tốt ở dòng tàu này lại khiến người mua cạnh tranh nhau và giá tăng nhẹ. Đơn cử tàu **Lakshmi** (50.192 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, DD 04/2027, SS 04/2029) vừa được chủ tàu Hy Lạp chốt với giá khoảng 17,5 triệu đô la Mỹ. Giá này nhìn hơn một chút nếu so với tàu **Bull Shark** (49.999 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, DD 06/2027, SS 03/2029) vừa bán với giá khoảng 17,15 triệu đô la Mỹ. Công ty Hafnia cũng vừa bán cặp tàu **Hafnia Andromeda** và **Hafnia Taurus**

(49.999 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, DD/SS 5-6/2026) với giá khoảng 18,3 triệu đô la Mỹ/tàu. Mức này hơi mềm so với định giá thị trường gần đây và ban đầu chủ tàu vốn nhắm mức khoảng 18,7-19 triệu đô la Mỹ/tàu.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Mineral Brussel	2011	China	175,219	24.50	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 10/2026
Beauty Lotus	2015	China	63,685	20.50	Undisclosed	DD/SS freshly passed 04/2025, next DD 04/2028, SS 04/2030
Beauty Peony	2015	China	63,685	20.50	Undisclosed	DD/SS freshly passed 01/2025, next DD 01/2028, SS 01/2030
CP Chongqing	2016	China	63,581	21.00	Korean	DD/SS 11/2026
Nord Kitan	2017	Japan	60,195	24.25	Undisclosed	DD/SS 01/2027
Kaspar Schulte	2012	China	58,758	15.50	Undisclosed	Japanese maker list, DD/SS 06/2027, German owners
Star Sandpiper	2011	China	57,809	13.00	Undisclosed	Scrubber fitted, M/E MAN-B&W (made by Korea), DD/SS 10/2026
Jin Ji	2009	China	56,913	11.00	Undisclosed	M/E MAN-B&W (made by Korea), DD 11/2027, SS 9/2029, HK-based owners
Stellar Enguri	2012	Japan	33,677	13.50	Undisclosed	DD 09/2027, SS 09/2029, Dutch owners
BC Callisto	2010	Japan	32,280	12.05	Chinese	OHBS, DD 02/2026, SS 12/2027, Greek owners
Olivia	2013	China	32,203	10.20	Undisclosed	Log-fitted, DD due 11/2025, SS 01/2028, Turkish owners
Tuojiang	2006	Japan	28,515	Undisclosed	Undisclosed	Auction sale, DD/SS due 10/2025, Chinese owners
Galaxy Glory	2009	Japan	12,926	7.20	Undisclosed	Tween decker, CR 2X30.7 (combinable), DD passed 12/2024, next DD/SS 6/2027, Chinese owners
TANKERS						
Advantage Award	2011	Korea	115,984	36.50	Turkish	DD/SS due 07/2026
Aqua Pearl	2005	Japan	105,713	24.00	Undisclosed	DD/SS due 10/2025
Lakshmi	2009	Korea	50,192	17.50	Indian	DD 04/2027, SS 04/2029, Greek owners

Hafnia Andromeda	2011	China	49,999	18.30	Greek	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD/SS 05/2026
Hafnia Taurus	2011	China	49,999	18.30		Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD/SS 06/2026
Aliakmon	2006	Korea	46,792	14.30	Chinese	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 06/2027, SS 06/2029
CONTAINERS						
Hansa Bitburg	2008	China	23,350	20.20	UAE-based	1740 teu, CR 2X45T, DD due 11/2025, SS 10/2028
Contship Lex	2006	China	13,760	11.00	Undisclosed	1118 teu, DD 06/2027, SS 06/2029
Lagarfoss	2014	China	11,811	Undisclosed	Undisclosed	875 teu, scrubber fitted, ice class 1A, DD 07/2027, SS 06/2029
OTHERS						
HH Diamond	1998	Germany	20,556	4.60	Turkish	MPP, 1291 teu, box-shaped, DD 05/2026, SS 06/2028, Chinese owners

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	07/2025	1M	3M	6M	12M		

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	76.00	0%	0%	1%	-1%	60.50
180k dwt	5 tuổi	63.00	0%	0%	2%	-1%	44.75
170k dwt	10 tuổi	45.00	2%	2%	7%	3%	31.50
150k dwt	15 tuổi	26.00	0%	-5%	2%	-7%	20.00

PANAMAX

82k dwt	Resale	38.00	-1%	-1%	-5%	-12%	36.75
82k dwt	5 tuổi	30.50	-3%	-6%	-10%	-20%	30.25
76k dwt	10 tuổi	23.50	-3%	-6%	-4%	-19%	21.25
74k dwt	15 tuổi	15.00	-2%	-5%	-2%	-21%	14.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	38.00	0%	0%	-3%	-8%	34.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	0%	-3%	-6%	-16%	26.00
56k dwt	10 tuổi	22.50	-2%	-4%	-3%	-20%	19.00
52k dwt	15 tuổi	14.50	-3%	-5%	-2%	-12%	13.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	32.50	-2%	-2%	-5%	-6%	29.00
37k dwt	5 tuổi	25.50	2%	0%	-3%	-9%	22.75
32k dwt	10 tuổi	19.00	4%	7%	0%	-7%	15.25
28k dwt	15 tuổi	11.80	-2%	-2%	-2%	-9%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	07/2025	1M	3M	6M	12M		

VLCC

310k dwt	Resale	147.00	1%	2%	-1%	2%	114.00
310k dwt	5 tuổi	117.00	2%	4%	3%	2%	86.75
250k dwt	10 tuổi	87.00	2%	5%	2%	3%	62.00
250k dwt	15 tuổi	58.00	0%	9%	7%	1%	44.25

SUEZMAX

160k dwt	Resale	94.00	0%	0%	-3%	-5%	78.50
150k dwt	5 tuổi	77.00	0%	0%	0%	-7%	60.75
150k dwt	10 tuổi	62.00	0%	0%	3%	-8%	45.25
150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	0%	-9%	-13%	29.25

AFRAMAX

110k dwt	Resale	75.00	0%	0%	-9%	-12%	65.25
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	0%	-7%	-13%	51.50
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	0%	-4%	-16%	38.25
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	0%	-8%	-17%	25.25

MR

52k dwt	Resale	50.00	0%	0%	-4%	-8%	44.50
52k dwt	5 tuổi	40.00	0%	-2%	-5%	-15%	35.50
45k dwt	10 tuổi	30.00	0%	-3%	-6%	-22%	25.75
45k dwt	15 tuổi	18.50	0%	-12%	-14%	-34%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LPG	174,000 cbm	250.00	1	Korea shipyard	Hanwha Shipping	-	Will be completed to US flag requirements at Hanwha Philly
Tanker	163,000 dwt	77.00	2+2	CSSC Qingdao Beihai	New Shipping	2028	Price per unit
Bulker	64,000 dwt	33.00	4	Wuhu	Wah Kwong	2028	Price per unit
Container	21,700 teu	220.00	6	Zhoushan Changhong	MSC	-	Price per unit, LNG dual-fueled
Container	21,000 teu	-	3	Hantong	MSC	-	Price per unit, LNG dual-fueled
Container	8,000 teu	118.00-120.00	3	Nihon Imabari	Yang Ming	2028	Price per unit
Container	2,800 teu	56.40	2	Hyundai Mipo	Capital Maritime	Sep 2027	Price per unit
Container	1,800 teu	30.00	6	China Merchants Jinling	Eastern Pacific	2027-2028	Price per unit
Container	1,800 teu	30.00	2+2	Yangzijiang	Minerva Marine	2027-2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	-4.67%	-5.92%	-6.54%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	1.37%	-1.33%	-1.33%
Supramax (61.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	-2.16%	0.00%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	0.00%	0.00%	-1.64%	-1.64%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.79%	-2.29%	-2.66%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	-0.58%	1.78%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	-0.67%	-3.27%	-1.99%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	-4.59%	-2.80%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình phân khúc **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 16.351 đô la Mỹ, giảm 666 đô la Mỹ so với mức 17.017 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tuần này cho thấy các xu hướng khác nhau: khu vực Đại Tây Dương tiếp tục giai đoạn điều chỉnh giảm, trong khi các tuyến Châu Á thể hiện sự ổn định tương đối. Mặc dù sự chậm lại theo mùa và kỳ nghỉ hè đã làm suy yếu thị trường Đại Tây Dương, Châu Á vẫn giữ vững nhờ nhu cầu trong khu vực vẫn ổn định. Cuối cùng, bất chấp xuất khẩu thép và hàng bách hóa mạnh mẽ từ Trung Quốc sang Viễn Đông, thị trường Bắc Thái Bình Dương dường như đã đạt mức trần vào thời điểm hiện tại.

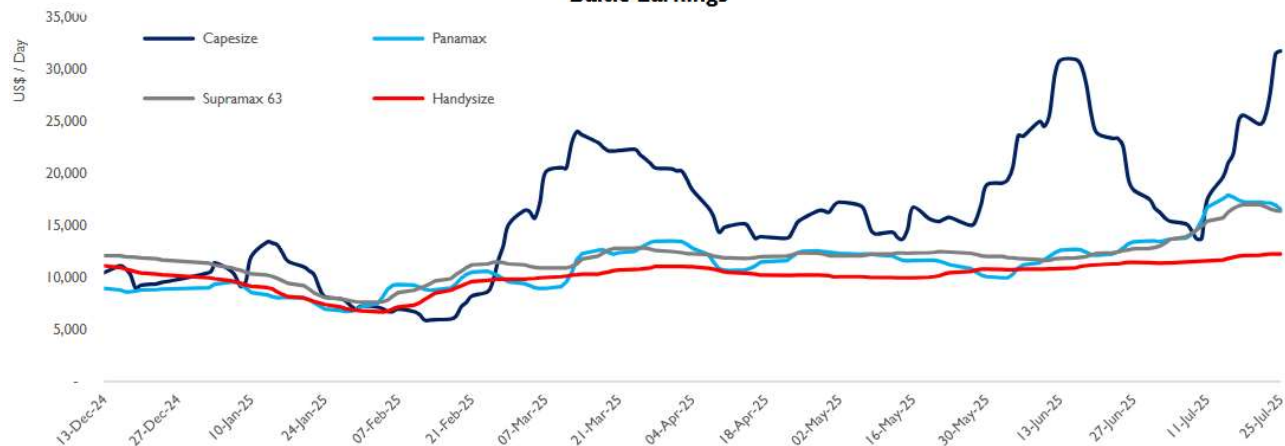
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handysize** tuần qua đóng cửa ở mức 12.271 đô la Mỹ, tăng nhẹ 161 đô la Mỹ so với mức 12.110 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường Đại Tây Dương tuần này tiếp tục khởi sắc, với mức giá đạt được ở khu vực Continent - Địa Trung Hải tiếp tục đà tăng. Tàu **Zante Dawn** (34.146 dwt, đóng 2011) đã được Lauritzen thuê, chở thạch cao từ Safi đến khu vực ARAG với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ. Khu vực Nam Đại Tây Dương vẫn sôi động với khối lượng hàng hóa dồi dào, đặc biệt là về hàng rời xuất khẩu từ Argentina. Các tàu 36.000 dwt có thể đạt mức khoảng 19.000 đô la Mỹ/ngày cho các chuyến vượt Đại Tây Dương đến Continent. Thị trường Thái Bình Dương vững chắc và duy trì đà tăng. Tình trạng thiếu tàu ở Đông Nam Á và Bắc Thái Bình Dương, thúc đẩy các bên thuê tàu tăng giá chào. Nhìn chung, danh sách tàu có sẵn cho tháng 8 có vẻ eo hẹp hơn, trong khi số lượng hàng hóa vẫn ổn định, góp phần vào sự cải thiện nhẹ về giá thuê trên toàn khu vực.

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 28/07/2025

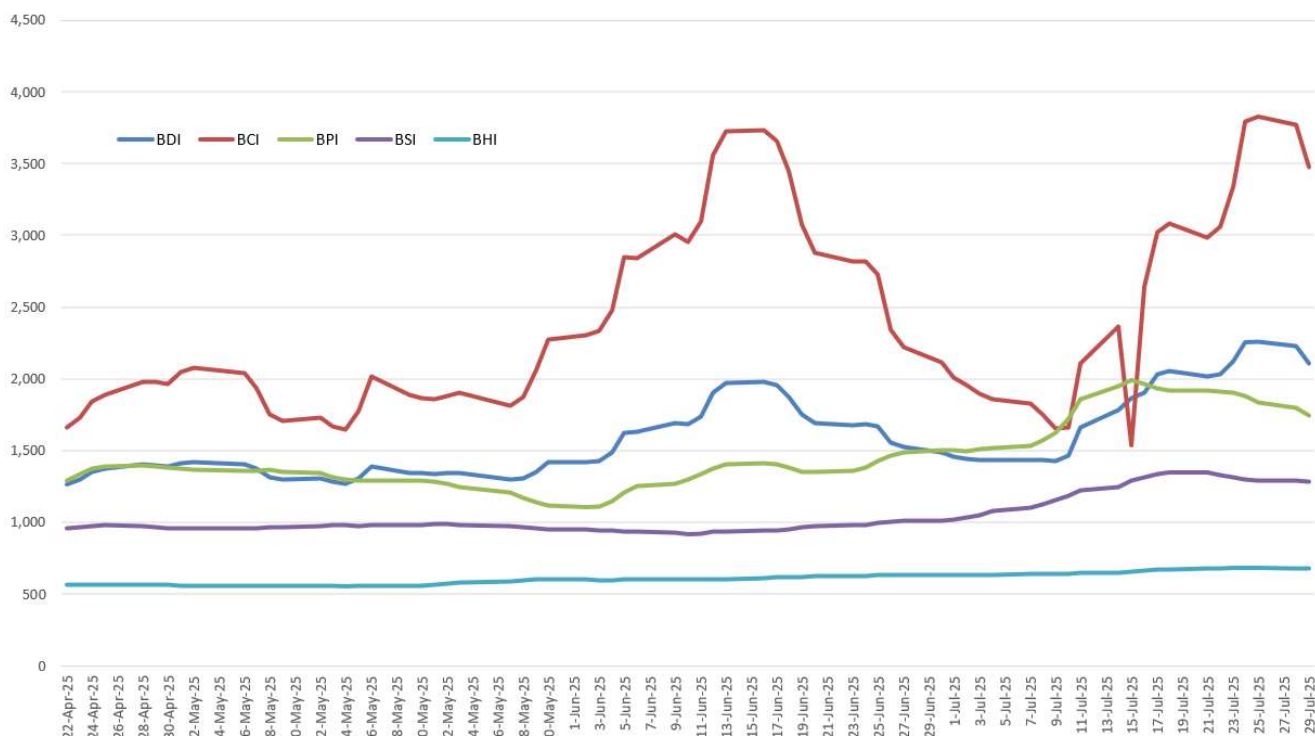
	US\$/ngày	▼ / ▲
SUPRAMAX	14.317	▲ 666
HANDIES 38K	12.271	▲ 161

(so sánh với giá trị ngày 21//07/2025)

Baltic Earnings



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 66,97 đô la Mỹ/thùng - tăng 0,39% so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 70,04 đô la Mỹ/thùng - tăng 2,34%. Giá dầu Brent leo dốc, đạt mức cao nhất trong vòng 10 ngày qua, sau khi Tổng thống Mỹ tuyên bố sẽ rút ngắn thời hạn 50 ngày mà ông đưa ra cho Nga về xung đột tại Ukraine xuống còn 10-12 ngày. Bên cạnh đó, Thị trường dầu diesel toàn cầu đang bước vào một giai đoạn thắt chặt cấu trúc mới, với các lệnh trừng phạt mới của EU nhắm vào nhiên liệu tinh chế từ dầu thô Nga buộc phải điều chỉnh lại dòng chảy thương mại trên khắp châu Á, Trung Đông và châu Âu. Theo báo cáo, Ả Rập Xê-út dự kiến sẽ tăng giá bán chính thức dầu thô Arab Light cho các lô hàng xuất khẩu sang châu Á trong tháng 9, mức tăng dự kiến này sẽ đánh dấu tháng tăng thứ hai liên tiếp do biên lợi nhuận lọc dầu khu vực được cải thiện và sản lượng tiêu thụ dầu thô trong nước hạn chế.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận xu hướng âm đạm khi các lô hàng cuối cùng của tháng 7 đã hoàn tất. Theo báo cáo, khối lượng hàng hóa trong đầu tháng 8 thấp hơn dự kiến, khiến mức cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc giảm xuống mức WS 46. Theo ghi nhận, các giao dịch được báo cáo chủ yếu là từ phân khúc tàu cũ với mức cước cạnh tranh hơn. Tương tự ở khu vực Đại Tây Dương, cước trên tuyến Tây Phi/Trung Quốc được ký kết ở mức WS 48.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	32.705	24.877	↓
USG/Trung Quốc	37.567	32.748	↓

Phân khúc tàu Suezmax

Nhìn chung, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi cũng chung xu hướng trầm lắng, khi khối lượng hàng hóa vào đầu tháng 8 vẫn đang ở mức khá thấp, trong khi số lượng tàu có sẵn khá cao. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Nigeria/UKC giảm khoảng 12 điểm, xuống mức WS 77. Tại khu vực Trung Đông, thị trường vẫn giữ xu hướng ổn định, với cước từ khu vực Trung Đông đi Địa Trung Hải duy trì quanh mức WS 96.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	34.760	27.348	↓
Guyana / UKC	30.358	26.338	↓

Phân khúc tàu Aframax

Theo đánh giá, phân khúc Aframax tại khu vực Biển Đen cùng chung xu hướng với hai phân khúc lớn, ghi nhận sự trầm lắng chủ yếu do nguồn cung tàu quá cao và nhu cầu mùa hè ảnh hưởng đến xu hướng thị trường. Ghi nhận, tại khu vực Địa Trung Hải, cước trên tuyến Ceyhan/Lavera giảm xuống mức WS 130.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	24.914	25.798	↑
Med / Med	30.087	26.637	↓
USG / Cont	25.050	23.846	↓
EC Mex / USG	20.776	15.254	↓

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

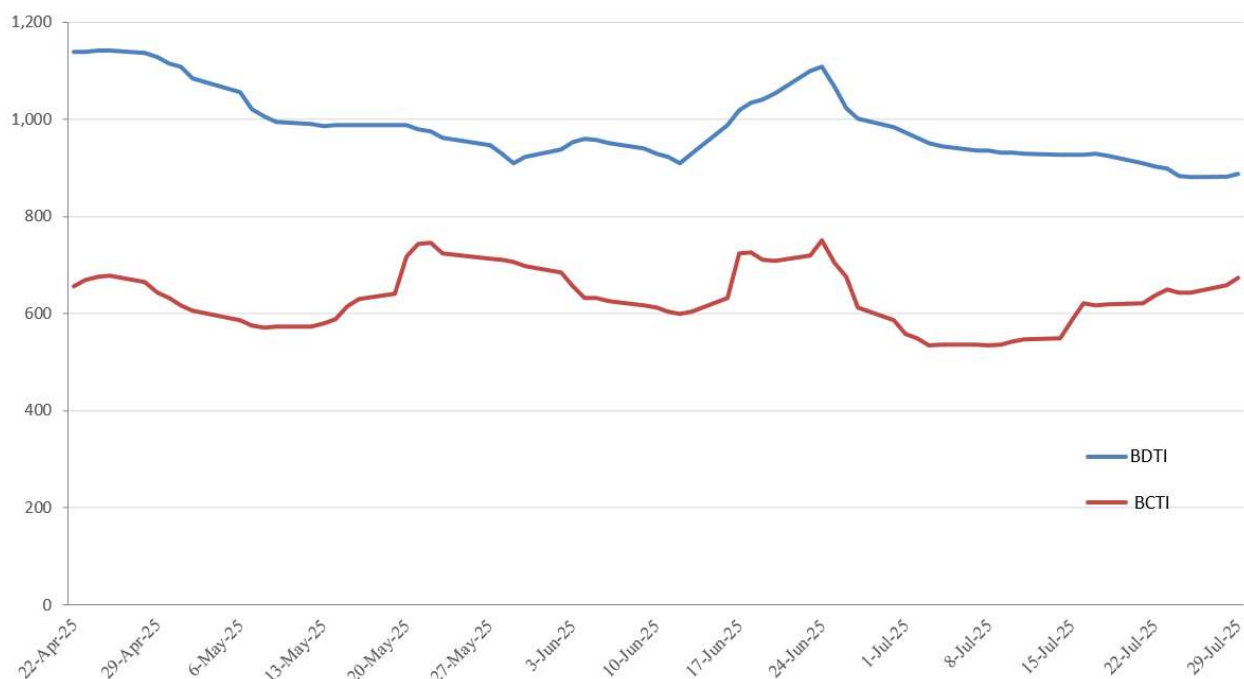
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường MR trong tuần này chủ yếu được kiểm soát bởi các kế hoạch điều phối hàng hóa của người thuê tàu, dù cho các yếu tố thị trường cơ bản đủ khả năng để đẩy mức cước lên. Theo báo cáo, số lượng các lô hàng trong tuần này tương đương với tuần trước và cao hơn mức trung bình 3 tháng gần đây. Ghi nhận, nhiều tuyến giữ ở mức ổn định, tuy nhiên tuyến Trung Đông đi khu vực Đông Phi tăng nhẹ từ mức WS 225 lên WS 227.5, còn tuyến WCI/Japan hiện ở mức WS 170. Hoạt động vận chuyển các chuyến ngắn trong khu vực Đông Nam Á tiếp tục hỗ trợ cho thị trường MR. Tại khu vực UKC, thị trường MR tuần này cũng sôi động hơn, với giao dịch cho tuyến Cont/USAC ghi nhận tăng lên mức WS 135 vào đầu tuần. Khi kết thúc tuần, mức cước ổn định quanh WS 125, trong khi tuyến Tây Phi vẫn giữ mức chênh lệch +20 điểm. Bên cạnh đó, khu vực Địa Trung Hải ghi nhận tình trạng yên ắng sau một tuần tích cực đối với chủ tàu, với các lô hàng hầu như đã được ký kết. Mức WS 180 là con số mới nhất được ghi nhận, với số lượng tàu có sẵn hạn chế, thị trường UKC vào cuối tuần được đánh giá ổn định. Tuy nhiên, tình trạng thiếu hụt tàu sẽ được giải tỏa trong tuần tới, dự kiến người thuê tàu sẽ có cơ hội tạo áp lực lên mức cước. Thị trường dự kiến hiện tại cũng phản ánh điều này, khi giao dịch cho tháng 8 giảm xuống mức WS 140. Diễn biến cước vẫn phụ thuộc nhiều vào thời điểm và loại hàng hóa, nhưng nhìn chung tuyến Med/TA được đánh giá ổn định quanh mức WS 135-140 khi bước sang tuần tới. Thị trường Handy tại UKC, tuần này hoạt động tích cực hơn với nhiều giao dịch được ghi nhận. Cước hiện đang tăng dần, với tuyến ARA/UK-Cont chốt trong khoảng WS 150-155.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Ghi nhận cước trên tuyến Houston đi Rotterdam/Địa Trung Hải đã giảm từ 2-4 đô la Mỹ/tấn trong tuần này. Trong khi đó, mức cước cho các lô hàng 10.000 tấn đi Ulsan cũng giảm 2 đô la Mỹ/tấn. Những biến động bất ổn liên quan đến chính sách thuế quan của Mỹ và các biện pháp trả đũa khiến thị trường vẫn dư thừa lượng lớn tàu có sẵn cho tháng 8, đặc biệt đối với tuyến về khu vực ARA và Địa Trung Hải. Bên cạnh đó, tuyến Al Jubail đến Mumbai cước đã giảm 2 đô la Mỹ/tấn do các hoạt động giao dịch hạn chế trong tuần này. Ngược lại, cước trên tuyến Ulsan đi Houston ghi nhận mức tăng 5 đô la Mỹ/tấn dựa trên các chuyến đã ký kết gần nhất. Thị trường dầu cò ghi nhận mức cước tăng, trung bình khoảng 1.000 đô la Mỹ/ngày dựa trên các giao dịch mới nhất. Tuy nhiên, xu hướng cho các chuyến dài xuất phát từ châu Á vẫn ảm đạm trong những tuần gần đây, do chịu ảnh hưởng bởi thị trường mùa hè và tâm lý thị trường CPP tại khu vực này đang chững lại. Tại khu vực Biển Đen, các hoạt động nhìn chung vẫn trầm lắng với số lượng hàng hóa hạn chế và nhu cầu ảm đạm. Theo báo cáo, chỉ có một vài lô hàng nhỏ xuất hiện trong những ngày qua, trong khi các tàu phân khúc lớn gần như không hoạt động. Mức cước vẫn duy trì ngang bằng với các chuyến đã được ký kết gần nhất. Tâm lý thị trường hiện kỳ vọng nhẹ vào mùa vụ mới sắp tới, tuy nhiên thời tiết nắng nóng kéo dài có thể ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 30/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 29/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	48,000	46,500	46,000	49,000	47,000	46,500
SUEZMAX	32,500	31,500	31,500	33,000	32,000	31,000
AFRAMAX	29,500	29,500	28,500	30,000	29,500	28,500
LR-2	29,000	30,000	29,500	29,500	29,500	29,000
LR-1	24,500	23,000	22,500	24,500	23,000	22,500
MR	19,500	19,000	18,500	20,000	19,000	19,000
HANDY	17,500	16,500	16,500	17,500	17,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu			Tàu container		
		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲	
1	Pakistan	425	▲	5	445	▲	5	455	▲	5
2	Bangladesh	405	▲	5	425	▲	5	435	▲	5
3	India	415	▲	5	435	▲	5	445	▲	5
4	Turkey	250			260			270		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ ĐỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 30/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	CBM	Comments
Ghasha	LNG	1995	33,407	-	615.00	137,500	As is China
Al Khaznah	LNG	1994	33,457	-	620.00	135,496	As is Singapore

(Both the above have turbine machinery, high alum. content of abt 3,200 tons;
each has excess 2,000 mt bunkers ROB)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.